

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn đảm bảo cho quá trình phát triển ổn định, bền vững là vấn đề lớn và phức tạp cần phải giải quyết nhiều vấn đề cả về lý luận và thực tiễn. Cũng cần thấy rằng trong điều kiện hiện nay việc đánh giá một cách toàn diện và đầy đủ các vấn đề trên đang gặp phải nhiều khó khăn và hạn chế lớn về thông tin, hơn nữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình diễn ra tương đối lâu dài, trong khi quá trình đổi mới của ta mới thực hiện được 10 năm, nhiều điều kiện khách quan cũng như chủ quan chưa chín muồi. Trong khuôn khổ hạn chế đó chúng ta bước đầu làm rõ một số nội dung chính sau đây.

I. TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN VN

a. Vị trí của Nông-Lâm-Ngư nghiệp trong nền kinh tế

Đóng góp của kinh tế nông nghiệp, nông thôn vào tăng trưởng kinh tế quốc dân được phản ánh qua tỷ trọng của ngành nông lâm ngư nghiệp trong tổng sản phẩm quốc dân và tổng kim ngạch xuất khẩu. Năm 1995 nông lâm ngư chiếm 33,9% tổng sản phẩm quốc nội và 51% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nông nghiệp đóng vai trò đặt biệt quan trọng trong việc giải quyết vấn đề lương thực thực phẩm cho cả nước. Đảm bảo đủ lương thực cho nhu cầu nội địa có dự trữ và xuất khẩu (lương thực bình quân đầu người là 372kg năm 1995; xuất khẩu gạo bình quân trên 2 triệu tấn/năm, đứng thứ ba trên thế giới). Với hơn 80% lực lượng lao động xã hội, 79,5% dân số của cả nước, khu vực nông thôn thực sự là một nguồn nhân lực và thị trường tiêu thụ hàng hóa rộng lớn và hấp dẫn tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác phát triển nhất là công nghiệp và dịch vụ.

b. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn là tỷ lệ giữa các ngành, các lĩnh vực kinh tế có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong những điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội được thể hiện cả định tính lẫn định lượng. Cơ cấu kinh tế nông thôn bao gồm: Cơ cấu ngành, cơ cấu vùng lãnh thổ và cơ cấu thành phần kinh tế.

1. Cơ cấu ngành nông lâm ngư nghiệp:

Bảng 1: Cơ cấu ngành Nông-Lâm-Ngư (giá cố định 1989)

	1986 (%)	1990 (%)	1995 (%)
Giá trị tổng sản lượng	100	100	100
1. Nông nghiệp	85,71	83,26	82,65
2. Lâm nghiệp	7,68	8,02	6,41
3. Thủy sản	4,56	8,72	10,94
Tổng giá trị XK	100	100	100
Nông nghiệp	61,99	70,80	74,18
Lâm nghiệp	14,04	11,48	3,63
Thủy sản	23,98	17,72	22,2

Nguồn: Số liệu thống kê Nông-Lâm-Thủy sản Việt Nam 1985-1995 (NXB Thống Kê 1996).

Trong giá trị sản lượng toàn ngành nông-lâm-ngư nghiệp, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, trên 82%, tiếp theo là thủy sản 10,94%. Xu hướng chuyển dịch là giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp nhất là trồng trọt, tăng tỷ trọng thủy sản. Ngành lâm nghiệp ở giai đoạn này vẫn chưa tập trung khai thác tiềm năng và thế mạnh các sản phẩm cây dài ngày ở trung du miền núi nên có xu hướng giảm tỷ trọng trong giá trị tổng sản lượng.

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông lâm ngư nghiệp theo giá trị xuất khẩu là tăng tỷ trọng xuất khẩu nông sản và thủy sản nhất là lúa gạo và thủy sản đông lạnh. Sản phẩm thủy sản hiện đang có khả năng và

TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ NÔNG THÔN VIỆT NAM

Thạc sĩ NGUYỄN THỊ SONG AN

ưu thế vươn ra thị trường thế giới. Đặc biệt nếu có sự đầu tư thỏa đáng và kịp thời vào lĩnh vực nuôi trồng, chế biến và đóng gói xuất khẩu các sản phẩm thủy đặc sản như tôm, cua... thì trong thời gian ngắn sắp tới ngành thủy sản sẽ tăng trưởng nhanh hơn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nội bộ ngành nông-lâm-ngư nghiệp.

Thực tế quá trình chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông-lâm-ngư nghiệp những năm qua còn chậm. Nguyên nhân chủ yếu là chưa có một chiến lược và sách lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ ràng. Trong nội bộ ngành nông-lâm-ngư nghiệp chưa chỉ ra được những bước đi và các biện pháp cụ thể và đồng bộ. Vì vậy động thái chuyển dịch mang tính tự phát và trì trệ phản ánh tính chất của một nền kinh tế thị trường mới hình thành.

a. Cơ cấu ngành nông nghiệp:

Cơ cấu ngành nông nghiệp được xem xét qua cơ cấu giữa trồng trọt - chăn nuôi; cơ cấu nội tại ngành trồng trọt; cơ cấu nội tại ngành chăn nuôi.

Bảng 2: Cơ cấu ngành Nông nghiệp theo giá trị sản lượng (giá cố định 1989)

	Số lượng (tỷ đồng)		Cơ cấu (%)	
	1985	1995	1985	1995
Tổng số	11941,55	19029,92	100,00	100,00
1. Trồng trọt	9389,74	14785,56	78,63	77,70
2. Chăn nuôi	2551,81	4237,36	21,37	22,30

Nguồn: Số liệu thống kê Nông-Lâm-Thủy sản Việt Nam 1985-1995 (NXB Thống Kê 1996).

Cơ cấu trồng trọt - chăn nuôi: Trong giai đoạn 1985 -1995 có xu hướng chuyển dịch từ trồng trọt sang chăn nuôi nhưng hết sức chậm chạp, thậm chí không có biến đổi đáng kể. Thực tế mấy năm qua sản xuất lương thực đã có bước tăng trưởng khá, có xuất khẩu và tích lũy tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển chăn nuôi, song vẫn chưa đủ giúp ngành chăn nuôi vươn lên thành ngành chính và có tỷ trọng cao trong cơ cấu trồng trọt - chăn nuôi.

Cơ cấu nội tại ngành trồng trọt: Qua số liệu cho thấy cây lương thực vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối cả về diện tích và giá trị sản lượng mặc dù về tỷ trọng có xu thế giảm (diện tích từ 79,86% năm 1985 còn 75,85% năm 1995, giá trị sản lượng từ 66,44% năm 1985 xuống còn 63,78 năm 1995).

Về số tuyệt đối, sản lượng lương thực tăng không ngừng (1985: 18,2 triệu tấn; 1995: 27,57 triệu tấn). Sản lượng lương thực gia tăng trong giai đoạn 1985 -1995 chủ yếu là do thâm canh tăng năng suất cây trồng và sự chuyển dịch về cơ cấu mùa vụ nghiêng về vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu. Xu hướng chuyển dịch này phản ánh xu thế áp dụng ngày càng nhiều các giống lúa mới ngắn ngày, có khả năng chống chịu sâu bệnh và thời tiết khắc nghiệt đồng thời cho năng suất cao hơn.

Nhóm cây công nghiệp cũng có xu hướng tăng tỷ

trọng cả về diện tích lẫn giá trị sản lượng. Cây ăn quả và cây thực phẩm (rau đậu) có phần giảm chậm trong cơ cấu cây trồng. Nguyên nhân cơ bản ở đây là thị trường tiêu thụ trong giai đoạn này bị thu hẹp (ở thị trường khu vực I và chưa mở rộng thị trường ở khu vực II do chất lượng chưa đạt yêu cầu). Đặc biệt nhiều loại rau quả (dứa, chuối...) giảm quá nhanh do khối lượng xuất khẩu hàng năm giảm mạnh dẫn đến sản xuất phải giảm theo.

Qua phân tích cho thấy tình trạng độc canh cây lương thực còn phổ biến, chưa có chuyển biến mạnh về cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Cơ cấu năng về sản xuất cây lương thực trong giai đoạn vừa qua không có nghĩa là sản xuất có lãi hơn so với cây trồng khác mà do cây lương thực là cây trồng vốn gần bó, gần gũi với nông dân từ nhiều năm đồng thời nó đảm bảo ổn định đời sống và an toàn lương thực cho nông dân, nếu chưa có tác động gì lớn về chính sách thì nông dân ở nhiều nơi vẫn còn tiếp tục gần bó với nghề trồng lúa.

Cơ cấu nội bộ ngành chăn nuôi: Chăn nuôi gia súc chiếm tỷ trọng lớn và tăng nhanh (61,82% năm 1985 lên 64% năm 1995), gia cầm có xu hướng giảm (20,1% xuống 17,7%). Khả năng phát triển đại gia súc và các loài vật ăn cỏ có giá trị kinh tế cao như dê, cừu... còn rất lớn song chưa có chính sách và biện pháp phát triển. Về tổng thể cơ cấu ngành chăn nuôi, chưa phản ánh tiềm năng về phát triển chăn nuôi đa dạng của nền kinh tế nông nghiệp nhiệt đới nước ta.

b. Cơ cấu ngành lâm nghiệp:

Cơ cấu ngành lâm nghiệp giai đoạn 1986-1995 cho thấy nhóm khai thác gỗ và lâm sản chiếm tỷ trọng lớn nhất nhưng có xu hướng giảm. Nếu năm 1986 nhóm này chiếm 81,74% thì đến năm 1995 chỉ còn 74,42%; nhóm trồng và nuôi rừng có xu hướng tăng từ 17,06% năm 1986 lên 23,79% năm 1995 giá trị sản lượng toàn ngành lâm nghiệp.

Cơ cấu ngành lâm nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng hoạt động trồng và nuôi rừng. Sự chuyển dịch này phản ánh các nỗ lực nhằm thực hiện chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc mặc dù sự chuyển dịch đó chậm song là hợp lý trong giai đoạn vừa qua và còn tiếp tục phát triển trong giai đoạn sắp tới.

2. Cơ cấu vùng kinh tế nông thôn và nông lâm ngư nghiệp giai đoạn 1985 - 1995

Bảng 3: Một số chỉ tiêu chung phản ánh cơ cấu vùng kinh tế năm 1994

Chỉ tiêu	Tổng số cả nước	Miền Bắc				Miền Nam				
		Toàn miền Bắc	Miền núi trung du	ĐB Sông Hồng	Khu Bốn cũ	Toàn Miền Nam	Duyên Hải Miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	ĐB Sông Cửu Long
1. DT tự nhiên	100	50,4	31,1	3,8	15,5	49,6	13,8	19,6	7,0	11,9
2. Dân số	100	50,8	17,1	20,1	13,6	19,2	10,5	4,1	12,4	22,2
3. Hộ GD nông thôn	100	59,0	17,8	25,8	15,4	41,0	9,9	3,4	5,8	21,9
4. Nhân khẩu NN	100	55,3	19,1	21,6	14,6	44,7	9,9	3,8	6,4	24,6
5. Lao động NN *	100	51,1	18,8	19,1	13,2	48,9	9,1	3,6	7,1	29,1
6. Tổng S/Phẩm XH	100	46,2	12,3	24,2	9,7	53,8	8,6	2,1	25,3	17,8
7. Thu nhập QĐ	100	45,5	11,3	24,8	9,4	54,5	10,0	2,0	21,3	21,2
8. GTSL công nghiệp	100	40,0	11,7	22,4	5,9	60,0	8,6	2,1	33,9	15,4
9. GTSL nông nghiệp	100	48,8	16,3	21,2	11,3	51,2	7,5	3,5	9,9	30,3
10. Kim ngạch XK	100	29,2	9,5	16,9	2,8	70,8	4,1	3,8	33,7	29,2

* Không kể Quốc doanh, mất sức và học sinh.

Nguồn: Số liệu thống kê Nông-Lâm-Thủy sản Việt Nam 1985-1995 (NXB Thống Kê 1996).

a. Về thực trạng kinh tế

Theo số liệu thống kê 1995 cho thấy 3 vùng đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long có mức độ phát triển kinh tế nhanh nhất. Ba vùng này chiếm 22,7% diện tích tự nhiên, 54,7% dân số và

55,3% lao động nông nghiệp nhưng sản xuất ra 67,3% tổng sản phẩm xã hội, 67,3% thu nhập quốc dân, 71,7% giá trị sản lượng công nghiệp, 61,4% giá trị sản lượng nông nghiệp và 79,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên là 2 vùng kém phát triển hơn 4 vùng còn lại.

b. Cơ cấu ngành nông nghiệp:

Ngành trồng trọt: Cây lương thực tập trung tại hai châu thổ đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng. Trong cơ cấu cây lương thực, cây lúa phát triển chủ yếu ở miền Nam, cây màu chủ yếu ở miền Bắc. Xu hướng chuyển dịch chung là phát huy thế mạnh của từng vùng: Miền Nam tăng diện tích trồng lúa trên cơ sở khai hoang, thay đổi cơ cấu mùa vụ và ứng dụng các giống lúa cao sản (56,1% năm 1985 lên 62,6% năm 1995). Riêng đồng bằng sông Cửu Long chiếm 47,1% diện tích lúa cả nước; Miền Bắc tăng diện tích trồng màu từ 60,7% năm 1985 lên 66,4% năm 1995 trong đó Trung du - miền Núi tăng tương ứng từ 28,6% lên 34,2% diện tích màu cả nước.

Cây công nghiệp ngăn ngày có sự phân bố không chênh lệch nhiều giữa các vùng ở miền Bắc trong khi đó ở miền Nam tập trung nhiều nhất ở vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Trong 10 năm qua cơ cấu cây công nghiệp ngăn ngày ở các vùng không có sự chuyển dịch lớn. Cây công nghiệp dài ngày có sự chuyển dịch rõ rệt đặc biệt là 2 vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ (diện tích tăng từ 12,8% năm 1985 lên 26,4% năm 1995 ở Tây Nguyên và từ 38% lên 43,6% ở Đông Nam Bộ).

Cây ăn quả tập trung nhiều ở miền Nam, chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chiếm hơn phân nửa diện tích của cả nước. Xu hướng phát triển của vùng này là chuyển từ vườn tạp sang chuyên canh các loại cây có giá trị kinh tế cao (từ 45,5% năm 1985 lên 50,7% năm 1995 so với cả nước).

Cây rau đậu tập trung chủ yếu ở 2 vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long. Xu hướng chuyển dịch thể hiện khá rõ nét qua việc tăng cơ cấu diện tích: từ 20% năm 1985 lên 27,9% năm 1995 ở đồng bằng sông Hồng và từ 12% lên 22,6% ở đồng bằng sông Cửu Long.

Ngành chăn nuôi: Trâu, lợn và gia cầm phát triển mạnh ở các vùng phía Bắc trong đó trâu chủ yếu ở miền núi trung du, lợn và gia cầm phát triển tương đối đều giữa các vùng. Bò tập trung nhiều nhất ở Khu Bốn cũ và duyên

hải miền Trung. Chăn nuôi đại gia súc tăng nhanh ở miền núi trung du và Khu Bốn cũ (Đàn trâu tăng từ 42% năm 1985 lên 53,6% năm 1995 ở miền núi trung du; đàn bò từ 11,7% lên 30,6% ở Khu Bốn cũ). Xu hướng chuyển dịch này là phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của các vùng

trên.

c. Cơ cấu thành phần kinh tế nông thôn:

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng là phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN cùng với sự thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế nông thôn chuyển dần sang hệ thống kinh tế nhiều thành phần. Kinh tế hộ gia đình với các qui mô hoạt động kinh tế khác nhau nằm trong sự đan xen với các thành phần kinh tế khác đã trở thành lực lượng chủ yếu để phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn vừa qua.

Kinh tế quốc doanh: Trong quá trình đổi mới, tỷ trọng đơn vị quốc doanh trong nông-lâm-ngư nghiệp có xu hướng giảm dần trong cơ cấu nhiều thành phần kinh tế do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân hết sức quan trọng là các nông lâm trường, các xí nghiệp công ty thủy sản ...đang chuyển dần chức năng sang làm dịch vụ.

Kinh tế ngoài quốc doanh: bao gồm kinh tế tập thể và cá thể chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng sản phẩm ngành nông-lâm-ngư (97-98%). Kinh tế tập thể vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn ở miền Bắc trong cơ cấu hộ và lao động nông thôn; Miền Nam chủ yếu là kinh tế cá thể. Các HTXNN và TĐSX cũ đã chuyển dần sang làm dịch vụ nông nghiệp. Kinh tế hộ gia đình ngày càng khẳng định vị trí và vai trò trong nền kinh tế nói chung, trong nông thôn nói riêng đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam. Hộ nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hộ và lao động nông thôn (gần 80%); hộ CN-TTCN, hộ thương mại và dịch vụ còn chiếm tỷ trọng không đáng kể.

3. Nhận định

Sau 10 năm đổi mới (1986-1996) nông thôn Việt Nam đã có nhiều khởi sắc trên con đường công nghiệp hóa. Theo Nguyễn Sinh (*Thời Báo Kinh Tế Việt Nam*), tính đến cuối năm 1996, 65% số xã có điện và gần 60% số hộ nông thôn được sử dụng điện trong sản xuất và sinh hoạt. Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản hoàn thành điện khí hóa nông thôn (98% số xã và số hộ có điện). Bên cạnh các thị trấn, thị xã ở các vùng nông thôn đã mọc lên các trung tâm công nghiệp và dịch vụ mới, không chỉ làm thay đổi bộ mặt nông thôn mà còn tạo ra những hạt nhân của quá trình công nghiệp hóa nông thôn và nông nghiệp. Sự khởi sắc của hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đã thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh và đa canh tăng sản phẩm hàng hóa.

Tuy nhiên với điểm xuất phát thấp về kinh tế, nông dân nói chung còn nghèo và mức thu nhập bình quân chỉ bằng 50% của dân cư thành thị. Công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến phát triển chậm và tự phát với công nghệ lạc hậu, máy móc vừa thiếu vừa cũ và không đồng bộ. Ở những vùng sản xuất nguyên liệu lớn như lúa ở đồng bằng sông Cửu Long, cà phê ở Tây Nguyên, rau quả ở đồng bằng trung du Bắc Bộ, sản ở miền núi lại không có cơ sở chế biến với qui mô thích hợp và công nghệ hiện đại.

Dịch vụ ở nông thôn bé nhỏ, phát triển rất chậm và không đều. Cơ cấu kinh tế nông thôn đến năm 1996 vẫn chủ yếu là nông nghiệp 71%, công nghiệp 14% và dịch vụ 15%. Cơ cấu thu nhập của nông dân vẫn chủ yếu từ nông nghiệp (56%), thu nhập từ công nghiệp chỉ đạt 5-6% và dịch vụ 17,3% còn lại là thu khác. Điện cho nông thôn được tăng cường nhưng tỷ lệ cơ giới hóa, điện khí hóa trong nông nghiệp và nông thôn vẫn thấp. Đến nay mới có hơn 25% diện tích gieo trồng được cày bừa bằng máy. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ cao hơn 40%, nhưng các vùng khác vẫn còn cảnh "con trâu đi trước cái cày theo sau". Lao động nông thôn vẫn dư thừa 6 triệu người nhưng công nghiệp và dịch vụ chưa đủ sức để thu hút họ vào sản xuất.

Nguyên nhân của sự chuyển dịch chậm cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chủ yếu là:

- Cơ sở hạ tầng nông thôn quá yếu kém.

- Trình độ dân trí và lao động nông thôn thấp.
- Chính sách của nhà nước chưa đồng bộ nhất là chính sách về giá và marketing nông sản giải quyết thị trường đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, chính sách về vốn đầu tư và tín dụng nông thôn...

- Sự nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của nông nghiệp, nông thôn của nhiều ngành, nhiều cấp.

Cho đến nay ở trung ương cũng như ở địa phương chưa có một cơ quan nào chịu trách nhiệm trước nhà nước việc chăm lo phát triển công nghiệp và dịch vụ nông thôn cũng như nghiên cứu tham mưu các giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VÀ GIẢI PHÁP VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

1. Quan điểm chuyển dịch

a. Mục đích chuyển dịch

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII tháng 12/93 đã xác định: từ nay đến cuối thập kỷ phải rất quan tâm đến việc công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển toàn diện giữa nông-lâm-ngư nghiệp gắn với công nghệ chế biến nông sản, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Đề nông nghiệp đảm đương vai trò cơ sở của mình trong tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa kinh tế nông nghiệp nông thôn thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp có hiệu quả cần phải dựa trên các quan điểm sau:

- Chuyển dịch cơ cấu từ nông nghiệp phải nhằm mục đích phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất hàng hóa.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải nhằm khai thác tốt nhất lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp bền vững (nền nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng ổn định), khai thác tài nguyên phải bảo vệ sinh thái và đảm bảo về mặt hiệu quả kinh tế xã hội.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b. Căn cứ:

- Tiềm năng về đất, lao động, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi còn rất lớn trong nông nghiệp.

- Chủ trương đẩy mạnh một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế tạo điều kiện cho nông nghiệp giải quyết các vấn đề then chốt về vốn, thị trường và công nghệ.

- Dự báo xu hướng tăng trưởng kinh tế của cả nước theo hướng tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm nhanh, tăng nhanh tốc độ tăng trưởng của các ngành khu vực II, III trên cơ sở giữ ổn định mức tăng trưởng GDP nông nghiệp đến năm 2000 và 2010.

c. Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn ở một số nước trong khu vực và trên thế giới:

- (1) Xu thế chuyển dịch theo hướng giảm nhanh tỷ trọng sản phẩm và lao động trong khu vực nông nghiệp so với tổng sản phẩm và lao động xã hội

- (2) Trong nội bộ cơ cấu ngành nông nghiệp đã và đang có sự chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa sản xuất các loại sản phẩm nông-lâm-thủy sản.

- (3) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển mạnh công nghiệp nông thôn với nhiều hình thức đa dạng.

- (4) Mở rộng và phát triển hệ thống dịch vụ ở nông thôn là xu thế phổ biến ở nhiều nước trong khu vực và thế giới.

- (5) Cơ cấu kỹ thuật trong nông nghiệp nông thôn của các nước châu Á đã gần phương thức truyền thống với phương thức hiện đại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông

thôn theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

(6) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn gắn liền với việc bảo vệ môi trường sinh thái.

d. Phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo xu hướng sau:

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng nhanh khối lượng nông sản hàng hóa: lương thực, sản phẩm xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến trên cơ sở khai thác thế mạnh của điều kiện sinh thái từng vùng theo phương thức đầu tư thâm canh và tiến hành đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp-ngành nghề ở nông thôn.

- Từ nay đến năm 2000: tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng nông nghiệp và công nghiệp chế biến thu hút nhiều việc làm.

- 2001 - 2015: tập trung nguồn lực đẩy mạnh tăng trưởng các ngành trong khu vực II, III; ổn định mức tăng trưởng của nông nghiệp.

2. Các giải pháp chủ yếu

a. Ổn định giá cả và thị trường tiêu thụ nông sản phẩm cho nông dân.

Đây là một vấn đề có tính chất quyết định tới quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhà nước cần quan tâm đến xây dựng tổ chức và đầu tư thích đáng cho công tác dự báo thị trường, bao gồm cả thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, đồng thời tăng cường công tác thông tin về thị trường giá cả cho nông dân để tăng thêm khả năng tiếp thị, từ đó để nông dân có kế hoạch bố trí sản xuất các loại cây, con và tiêu thụ sản phẩm thích ứng với thị trường.

Đi đôi với tăng cường sức mua của thị trường nông thôn, Nhà nước cần đẩy mạnh tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Nhà nước cần lập quỹ bảo trợ nông nghiệp để trợ cấp cho nông dân khi có biến động lớn về giá cả. Quỹ bảo trợ nông nghiệp được hình thành từ các nguồn ngân sách nhà nước cấp, nguồn tái lợi nhuận của các tổ chức kinh tế, các nguồn tài trợ quốc tế, nguồn từ các tổ chức xã hội và cá nhân... Phương thức bảo trợ chủ yếu là thông qua hình thức tín dụng.

b. Tạo vốn cho sản xuất và phát triển hệ thống dịch vụ nông nghiệp.

Nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp chủ yếu là ngân hàng phát triển nông nghiệp. Vấn đề đặt ra là làm sao các hộ trung bình và nghèo không có tài sản thế chấp vẫn vay được vốn để tiếp tục phát triển sản xuất. Để giải quyết vấn đề này cần phải đa dạng hình thức dịch vụ tín dụng cho nông dân, mà trước mắt cần nhanh chóng hình thành quỹ tín dụng nhân dân dưới sự bảo đảm của ngành ngân hàng. Đây là hình thức phù hợp cho các hộ gia đình không có tài sản thế chấp vì nó là hình thức dễ vay, dễ trả, vay ít, trả dần và huy động được các nguồn vốn trong dân.

Theo Bộ trưởng Bộ NN & PTNT, ước tính từ nay tới năm 2010 mỗi năm cần khoảng 2,5 tỷ USD và giai đoạn 2010-2020 mỗi năm cần trên 3 tỷ USD để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn (Báo Người Lao Động số 447(622) ngày thứ Bảy 9/8/1997).

c. Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn:

Việc tăng vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho nông nghiệp và nông thôn nhằm giải quyết các điều kiện về hạ tầng phục vụ mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế là hệ thống giao thông, thủy lợi, năng lượng và thông tin, trước tiên cho các vùng sản xuất hàng hóa tập trung kể đó là các vùng còn chậm phát triển.

d. Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tiếp nhận khoa học kỹ thuật.

Chính phủ cần quan tâm đến việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ, chuyển giao giải pháp cho lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn với đủ ngành nghề từ kỹ thuật tới quản lý. Việc làm này nhằm tiếp thu và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, chuyển giao công nghệ đến hộ nông dân, đến đồng ruộng thông qua công tác khuyến nông (bao gồm cả khuyến lâm và khuyến ngư).

Công tác khuyến nông có ý nghĩa là đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông thôn nhằm truyền bá kiến thức và đào tạo tay nghề cho nông dân, giúp họ có thêm khả năng tự giải quyết các vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh, đời sống và xã hội.

e. Tạo lập một khung khổ pháp lý và môi trường kinh tế vi mô thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn đạt tốc độ cao trong những năm tới.

Nhằm tạo căn cứ cho việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chính sách và giải pháp khuyến khích phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, vấn đề cốt lõi và quan trọng số một là phải làm rõ định hướng xây dựng nông thôn mới ở nước ta. Từng bước tạo các tiền đề vật chất khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động phi nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại hóa, đô thị hóa. Thực hiện qui hoạch và phát triển các khu vực công nghiệp đa dạng trong nông thôn. Thúc đẩy, tạo điều kiện phát triển đồng bộ các loại thị trường phục vụ kinh tế nông thôn phát triển.

Thực hiện quan điểm tư tưởng và định hướng xây dựng nông thôn mới nêu trên, Nhà nước cần bổ sung, hoàn thiện hệ thống gồm 10 chính sách lớn đồng bộ như sau:

(1) Kiên trì và nhất quán thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần.

(2) Chính sách ruộng đất.

(3) Chính sách thị trường.

(4) Chính sách đầu tư phát triển kinh tế nông thôn.

(5) Chính sách tín dụng.

(6) Chính sách khoa học, công nghệ và chuyển giao kỹ thuật đến nông thôn.

(7) Chính sách điều tiết đối với nông dân và kinh tế nông thôn.

(8) Chính sách bảo trợ sản xuất đối với một số sản phẩm và vùng sản xuất quan trọng.

(9) Chính sách xã hội.

(10) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng và khuyến khích cán bộ công tác ở nông thôn và nâng cao dân trí.

Hoàn thiện và đồng bộ hóa 10 chính sách lớn này sẽ tạo lập được khung khổ pháp lý và môi trường thuận lợi thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn đạt tốc độ cao trong những năm tới.

III. KẾT LUẬN

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong những năm qua đã diễn ra khá phong phú và sôi động, dù là quá trình tự phát hoặc tự giác có định hướng, nhưng đều đem lại hiệu quả kinh tế xã hội khá rõ nét và mang tính qui luật.

Từng bước chuyển từ nền kinh tế thuần nông sang phát triển hàng hóa gắn với thị trường, trên cơ sở khai thác và phát huy lợi thế của các vùng sinh thái. Tuy rằng trong nông thôn đã tạo ra được các mô hình kinh tế năng động và có hiệu quả, song để thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thì vai trò quản lý vi mô và sự giúp đỡ của nhà nước là yếu tố quan trọng có tính định hướng chiến lược cho sự phát triển nông nghiệp và nông thôn. Nhà nước cần thể hiện rõ sự tác động trực tiếp trên các mặt: thị trường tiêu thụ; chính sách; khoa học công nghệ và đầu tư vốn, tạo ra môi trường phát triển kinh tế hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.